TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL – TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đẹp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2. Ông **Đặng Văn Chiểu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL *tham gia phiên tòa:* Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Minh Q,** sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp 8B, xã PPTA, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh Đ,** sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp 8B, xã PPTA, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Trần Minh Q trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Đ tự nguyện sống chung từ năm 1997, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có hai người con chung là Trần Mộng NG, sinh năm 1997 và Trần Mộng NG1, sinh năm 2002. Do hai người con chung đã thành

niên, có khả năng lao động tự nuôi sống mình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bà Nguyễn Thanh Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn và ly thân như ông Q trình bày là đúng. Nay ông Q yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 người con chung như ông Q trình bày là đúng. Do con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống mình nên bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận ông Q và bà Đ là vợ chồng.

+ Về con chung: Ông Q và bà Đ có 02 người con chung đã thành niên và tự lao động nuôi sống bản thân, ông Q và bà Đ đều không yêu cầu về con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi NGên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đ, bà Đ đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Ông Q và bà Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông Q và bà Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy ông Q và bà Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng ông Q và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và đã có hai người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông Q và bà

Đ là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay ông Q yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà Đ.

[4] Về con chung: Ông Q và bà Đ thống nhất có hai người con chung là Trần Mộng NG, sinh năm 1997 và Trần Mộng NGêl, sinh năm 2002. Ông Q và bà Đ xác định do cháu NG và cháu NGêl đã thành niên, có khả năng lao động để tự nuôi sống mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Minh Q và bà Nguyễn Thanh Đ.

2. Về con chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ông Q đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005501 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.

Bà Nguyễn Thanh Đ không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đẹp